

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 14**
CBGD **Trường Xuân Hùng**

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1		Trương Phúc	An	02/05/2003	CCQ2217J	5	7	8	9	9	8.0	
2		Nguyễn Hoàng	Ân	09/12/2004	CCQ2217J	7.3	7	7	7.3	9	7.7	
3		Nguyễn Duy	Bảo	17/02/2004	CCQ2217J	8.3	8	7	7.7	9	8.1	
4		Huỳnh Quốc	Bảo	16/09/2004	CCQ2217J	5.3	6.7	7	8.7	9	7.8	
5		Nguyễn Chấn	Bằng	02/08/2004	CCQ2217J	4.7	5	7	5.3	9	6.5	
6		Trần Đoàn Ngọc	Bền	08/10/2004	CCQ2217I	7.3	6.3	8	9.3	9	8.3	
7		Lê Bùi Nhật	Duy	19/08/2004	CCQ2217J	4	8.7	8	8.7	9	8.0	
8		Lưu Hải	Dương	15/07/2004	CCQ2217J	6.7	6	7	8	9	7.7	
9		Hồ Tấn	Đạt	18/04/2004	CCQ2217I	0	0	0	0	0	0.0	
10		Lưu Bình	Đức	17/01/2004	CCQ2217J	7	7	8	8	10	8.3	
11		Nguyễn Tấn	Đức	04/06/2004	CCQ2217I	6.3	8.7	6.5	8.7	9	8.1	
12		Nguyễn Tài	Em	18/06/2004	CCQ2217J	6.7	8.3	7	7.7	9	7.9	
13		Trần Minh	Hiền	23/05/2004	CCQ2217J	5.7	6.7	7	4	9	6.5	
14		Nguyễn Trung	Hiếu	16/03/2004	CCQ2217I	7	7.3	7	7.3	9	7.7	
15		Bùi Quang	Hiệp	11/03/2004	CCQ2217I	7.7	8	9	10	10	9.2	
16		Nguyễn Ngọc	Hoàng	16/04/2004	CCQ2217I	7.3	7	8	4	9	6.9	
17		Nguyễn Quốc	Học	13/03/2004	CCQ2217I	6.3	7.3	8	9	9	8.2	
18		Nguyễn Trương Bá	Huy	14/04/2004	CCQ2217I	7	3.7	7	8	9	7.4	
19		Nguyễn Tiến	Hữu	25/12/2002	CCQ2217J	7	7	7	8	10	8.1	
20		Trần Quốc	Khánh	25/06/2004	CCQ2217I	5.7	6.3	6.5	9	9	7.8	
21		Nguyễn Đăng	Khoa	16/12/2004	CCQ2217J	7.7	7	7	9	9	8.2	
22		Trần Đình	Khuong	09/03/2004	CCQ2217I	8	8	8	8	10	8.6	
23		Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J	6.7	7.7	7	4	9	6.8	
24		Trần Khánh	Lập	02/10/2004	CCQ2217I	4.3	6	7	9.3	9	7.7	
25		Phan Trường	Luân	20/03/2004	CCQ2217J	4.7	7	7	9	9	7.8	
26		Bùi Quang	Minh	17/11/2004	CCQ2217I	7	8.3	6.5	8.7	9	8.2	

27		Trần Văn	Minh	17/04/2004	CCQ2217I	7.7	7	7	7	9	7.7	
28		Võ Văn	Minh	02/02/2004	CCQ2217I	7	7.3	8	5.7	9	7.4	
29		Nguyễn Phương	Nam	11/10/2004	CCQ2217I	8	8.3	8	8	9	8.3	
30		Nguyễn Thành	Nam	01/04/2004	CCQ2217I	6.7	7.7	7	7.7	9	7.8	
31		Ung Xuân	Nghị	26/02/2004	CCQ2217J	4.7	4	7	8.3	9	7.2	
32		Lê Anh	Nhân	21/06/2004	CCQ2217J	8	6.3	7.5	8.3	9	8.1	
33		Điêu	Nhân	19/06/2004	CCQ2217I	6	5.7	7	9	9	7.8	
34		Võ Thành	Nhân	22/06/2004	CCQ2217J	7.7	7	7	8.3	9	8.0	
35		Lê Văn	Nhân	16/09/2004	CCQ2217I	8	6.7	7	8	10	8.2	
36		Võ Thành	Nhơn	15/12/2004	CCQ2217J	6.3	7	6.5	7	9	7.4	
37		Trần Đăng	Phi	03/08/2004	CCQ2217I	0	0	0	0	0	0.0	
38		Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	6.3	7.3	7	9.7	9	8.3	
39		Chu Minh	Phong	05/10/2004	CCQ2217I	8	8.7	6.5	8.7	9	8.4	
40		Nguyễn Tấn	Phong	25/09/2004	CCQ2217I	7	5.7	7	5	9	6.8	
41		Trương Thanh	Phong	12/09/2004	CCQ2217I	6	4.3	7	7.7	9	7.2	
42		Đặng Trương	Phong	12/04/2004	CCQ2217I	7.3	7	6.5	9.3	9	8.2	
43		Nguyễn Phong	Phú	31/08/2004	CCQ2217I	6.7	7	6.5	5	9	6.9	
44		Lưu Hoài	Phúc	10/09/2004	CCQ2217J	5	6.3	7	7	9	7.2	
45		Hồ Duy	Phương	28/11/2004	CCQ2217J	5.3	3.7	7	6.7	9	6.8	
46		Hồ Văn	Phước	23/05/2004	CCQ2217I	4.3	7.7	8	8.7	9	7.9	
47		Trần Đăng	Quân	27/07/2004	CCQ2217J	8.3	8.3	8	9.3	9	8.7	
48		Nguyễn Huỳnh Ngọc	Quý	08/05/2003	CCQ2217J	7.3	8	8	9.3	9	8.6	
49		Bùi Công	Sắc	19/11/2003	CCQ2217J	7.2	7.3	8	8.3	9	8.2	
50		Phạm Nguyễn Hồng	Sơn	24/08/2004	CCQ2217J	7.3	6.3	7	8	9	7.8	
51		Châu Khánh	Tân	19/04/2004	CCQ2217J	4	7	7	6	9	6.9	
52		Trần Đức	Thành	02/04/2004	CCQ2217J	3.7	4.3	7	8.7	9	7.2	
53		Phạm Ngọc	Thạch	10/04/2004	CCQ2217I	2.7	6.7	7	7.7	9	7.1	
54		Phạm Minh	Thông	15/07/2004	CCQ2217J	6.7	7	7	9	9	8.1	
55		Trần Minh	Thuận	04/01/2004	CCQ2217J	3.7	6.3	7	8.3	9	7.4	
56		Văn Thành	Thuận	05/02/2004	CCQ2217J	7.7	8	6.5	8.7	9	8.2	
57		Võ Quang	Tiến	20/07/2004	CCQ2217I	6	6.3	7	9	9	7.9	
58		Nguyễn Thành	Tiến	23/10/2003	CCQ2217J	5.3	5	7	8	9	7.3	
59		Nguyễn Cao	Toàn	11/10/2004	CCQ2217I	8	7.7	8	8	10	8.5	
60		Nguyễn Đức	Trường	27/01/2004	CCQ2217J	4.7	6.7	7	7.3	9	7.3	
61		Lê Quang	Trường	19/04/2004	CCQ2217J	7	8	7	5	9	7.1	
62		Phạm Anh	Tuân	05/07/2004	CCQ2217J	7.7	6.7	7	6	9	7.3	
63		Phan Thanh	Tùng	18/01/2002	CCQ2217I	4	6	7	5	9	6.4	

64		Huỳnh Quang	Vinh	30/12/2004	CCQ2217I	7	7.7	8	5	9	7.2	
65		Võ Tấn	Vinh	26/02/2004	CCQ2217I	7	6.3	7	4	9	6.6	
66		Lê Minh	Vũ	15/10/2004	CCQ2217I	0	0	0	0	0	0.0	
67		Phan Thành	Vũ	08/03/2004	CCQ2217J	5.7	6	7	8.3	9	7.6	
68		Trần Minh	Vương	22/08/2004	CCQ2217J	6.7	5	7	5	9	6.7	

Tp. HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Trương Xuân Hùng

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 14
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1		Trương Phúc An	02/05/2003	CCQ2217J	8.0	6.0	6.8
2		Nguyễn Hoàng Ân	09/12/2004	CCQ2217J	7.7	7.2	7.4
3		Nguyễn Duy Bảo	17/02/2004	CCQ2217J	8.1	7.4	7.7
4		Huỳnh Quốc Bảo	16/09/2004	CCQ2217J	7.8	6.2	6.8
5		Nguyễn Chấn Bằng	02/08/2004	CCQ2217J	6.5	6.6	6.5
6		Trần Đoàn Ngọc Bền	08/10/2004	CCQ2217I	8.3	6.4	7.2
7		Lê Bùi Nhật Duy	19/08/2004	CCQ2217J	8.0	6.2	6.9
8		Lưu Hải Dương	15/07/2004	CCQ2217J	7.7	7.0	7.3
9		Hồ Tấn Đạt	18/04/2004	CCQ2217I	0.0	0.0	0.0
10		Lưu Bình Đức	17/01/2004	CCQ2217J	8.3	7.0	7.5
11		Nguyễn Tấn Đức	04/06/2004	CCQ2217I	8.1	7.2	7.6
12		Nguyễn Tài Em	18/06/2004	CCQ2217J	7.9	6.6	7.1
13		Trần Minh Hiền	23/05/2004	CCQ2217J	6.5	6.6	6.6
14		Nguyễn Trung Hiếu	16/03/2004	CCQ2217I	7.7	6.0	6.7
15		Bùi Quang Hiệp	11/03/2004	CCQ2217I	9.2	7.4	8.1
16		Nguyễn Ngọc Hoàng	16/04/2004	CCQ2217I	6.9	7.0	7.0
17		Nguyễn Quốc Học	13/03/2004	CCQ2217I	8.2	7.0	7.5
18		Nguyễn Trương Bá Huy	14/04/2004	CCQ2217I	7.4	6.8	7.0
19		Nguyễn Tiến Hữu	25/12/2002	CCQ2217J	8.1	7.2	7.6
20		Trần Quốc Khánh	25/06/2004	CCQ2217I	7.8	5.2	6.2
21		Nguyễn Đăng Khoa	16/12/2004	CCQ2217J	8.2	7.8	8.0
22		Trần Đình Khương	09/03/2004	CCQ2217I	8.6	6.0	7.0
23		Nguyễn Tuấn Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J	6.8	7.2	7.0
24		Trần Khánh Lập	02/10/2004	CCQ2217I	7.7	6.6	7.0
25		Phan Trường Luân	20/03/2004	CCQ2217J	7.8	7.0	7.3
26		Bùi Quang Minh	17/11/2004	CCQ2217I	8.2	7.6	7.8
27		Trần Văn Minh	17/04/2004	CCQ2217I	7.7	6.0	6.7

28		Võ Văn Minh	02/02/2004	CCQ2217I	7.4	6.2	6.7
29		Nguyễn Phương Nam	11/10/2004	CCQ2217I	8.3	7.4	7.8
30		Nguyễn Thành Nam	01/04/2004	CCQ2217I	7.8	7.2	7.5
31		Ung Xuân Nghi	26/02/2004	CCQ2217J	7.2	6.6	6.8
32		Lê Anh Nhân	21/06/2004	CCQ2217J	8.1	6.4	7.1
33		Điền Nhân	19/06/2004	CCQ2217I	7.8	5.4	6.4
34		Võ Thành Nhân	22/06/2004	CCQ2217J	8.0	7.4	7.7
35		Lê Văn Nhân	16/09/2004	CCQ2217I	8.2	6.6	7.3
36		Võ Thành Nhơn	15/12/2004	CCQ2217J	7.4	7.2	7.3
37		Trần Đăng Phi	03/08/2004	CCQ2217I	0.0	0.0	0.0
38		Trương Nam Phi	20/01/2004	CCQ2217J	8.3	7.4	7.8
39		Chu Minh Phong	05/10/2004	CCQ2217I	8.4	8.0	8.1
40		Nguyễn Tấn Phong	25/09/2004	CCQ2217I	6.8	7.2	7.0
41		Trương Thanh Phong	12/09/2004	CCQ2217I	7.2	6.2	6.6
42		Đặng Trương Phong	12/04/2004	CCQ2217I	8.2	6.4	7.1
43		Nguyễn Phong Phú	31/08/2004	CCQ2217I	6.9	6.6	6.7
44		Lưu Hoài Phúc	10/09/2004	CCQ2217J	7.2	7.2	7.2
45		Hồ Duy Phương	28/11/2004	CCQ2217J	6.8	7.0	6.9
46		Hồ Văn Phước	23/05/2004	CCQ2217I	7.9	6.8	7.2
47		Trần Đăng Quân	27/07/2004	CCQ2217J	8.7	6.8	7.6
48		Nguyễn Huỳnh Ngọc Quý	08/05/2003	CCQ2217J	8.6	6.4	7.3
49		Bùi Công Sắc	19/11/2003	CCQ2217J	8.2	6.8	7.3
50		Phạm Nguyễn Hồng Sơn	24/08/2004	CCQ2217J	7.8	7.0	7.3
51		Châu Khánh Tân	19/04/2004	CCQ2217J	6.9	6.2	6.5
52		Trần Đức Thành	02/04/2004	CCQ2217J	7.2	6.2	6.6
53		Phạm Ngọc Thạch	10/04/2004	CCQ2217I	7.1	5.4	6.1
54		Phạm Minh Thông	15/07/2004	CCQ2217J	8.1	7.4	7.7
55		Trần Minh Thuận	04/01/2004	CCQ2217J	7.4	8.6	8.1
56		Văn Thành Thuận	05/02/2004	CCQ2217J	8.2	7.0	7.5
57		Võ Quang Tiến	20/07/2004	CCQ2217I	7.9	6.4	7.0
58		Nguyễn Thành Tiến	23/10/2003	CCQ2217J	7.3	7.2	7.3
59		Nguyễn Cao Toàn	11/10/2004	CCQ2217I	8.5	7.6	8.0
60		Nguyễn Đức Trường	27/01/2004	CCQ2217J	7.3	6.2	6.6
61		Lê Quang Trường	19/04/2004	CCQ2217J	7.1	7.0	7.1
62		Phạm Anh Tuấn	05/07/2004	CCQ2217J	7.3	7.4	7.4
63		Phan Thanh Tùng	18/01/2002	CCQ2217I	6.4	7.6	7.1
64		Huỳnh Quang Vinh	30/12/2004	CCQ2217I	7.2	7.0	7.1
65		Võ Tấn Vinh	26/02/2004	CCQ2217I	6.6	7.4	7.1
66		Lê Minh Vũ	15/10/2004	CCQ2217I	0.0	0.0	0.0

67		Phan Thành	Vũ	08/03/2004	CCQ2217J	7.6	7.6	7.6
68		Trần Minh	Vương	22/08/2004	CCQ2217J	6.7	7.6	7.2

Tp. HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Trương Xuân Hùng